

Về việc áp dụng khoản giảm trừ gia cảnh và chi phí nghề nghiệp trong dự luật Thuế thu nhập cá nhân

Luật gia LÊ VĂN CHẤN

Chúng tôi xin đóng góp ý kiến về khoản giảm trừ gia cảnh và đề nghị bổ sung chi phí nghề nghiệp trong Dự luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) như sau:

Tại khoản 6 Điều 3 Dự luật Thuế TNCN: “Người phụ thuộc: là người mà đối tượng nộp thuế có nghĩa vụ phải nuôi dưỡng, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật”. Quy định này cần phải chi tiết cụ thể, sẽ tránh được các tranh cãi khi áp dụng mỗi nơi mỗi khác”.

Điều 18 Dự án Luật Thuế TNCN quy định: “Giảm trừ gia cảnh”

1. Giảm trừ gia cảnh là khoản tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú. Giảm trừ gia cảnh gồm hai phần:

a. Phần giảm trừ đối với cá nhân nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm).

b. Phần giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc mà người nộp thuế có trách nhiệm phải nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật là 1,6 triệu đồng/tháng.

2. Việc tính giảm trừ cho người phụ thuộc thực hiện theo nguyên tắc sau:

a. Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính một lần;

b. Trong gia đình có nhiều người có thu nhập chịu thuế thì việc tính giảm trừ đối với người phụ thuộc vào thu nhập chịu thuế của người nào là do gia đình lựa chọn và đăng ký với cơ quan thuế;

c. Tổng mức giảm trừ đối với người phụ thuộc cho một người nộp thuế không quá 10 triệu đồng/tháng.

Qua điều 18 trên đây chúng tôi thấy nhiều bất cập vì có nhiều ý kiến cho rằng: Trường hợp gia đình có 5 người con, nuôi 2 bố mẹ phụ thuộc ai sẽ là người được giảm trừ gia cảnh; hoặc trường hợp khác: nếu 5 người con có 5 hộ khẩu khác nhau, cơ quan thuế dựa trên cơ sở nào để khấu trừ đúng người nuôi bố mẹ. Đã là gia cảnh tức là hoàn cảnh gia đình phải có chồng và vợ, nhưng khoản 6 điều 3 không đề cập đến người vợ (hoặc chồng) trong phần người phụ thuộc, vì hiện nay có nhiều gia đình chồng đi làm đem thu nhập về nuôi vợ, con (hoặc ngược lại) phần giảm trừ đối với cá nhân nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng là không hợp lý cần phải sửa lại là 5 triệu đồng/tháng (60 triệu đồng/năm); vì mức 5 triệu đồng/tháng là kể thừa mức khởi điểm của Pháp lệnh thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Theo tôi trong một gia đình, người chủ gia đình phải chịu thuế trên tổng số thu nhập của mình, của người vợ (chồng) và các người phụ thuộc phải nuôi dưỡng, cấp dưỡng, mà không cần phải do gia đình lựa chọn và đăng ký với cơ quan thuế người nào được giảm trừ. Cần bãi bỏ khoản c Điều 18 DAL thuế TNCN quy định khống chế mức giảm trừ người phụ thuộc không quá 10 triệu đồng/tháng vì các lý do sau đây:

Điều 34 và điều 36 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thừa nhận bố mẹ có nghĩa vụ và quyền cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Và ngược lại các con phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng cha mẹ.

Giảm trừ gia cảnh bao gồm cả vợ (hoặc chồng) và các con và các người phụ thuộc khác trong Thuế TNCN là hỗ trợ cho các thành viên trong gia đình có thể thực hiện được nghĩa vụ thiêng liêng của mình.

Giảm trừ gia cảnh bao gồm cả vợ (hoặc chồng) và các con cùng các người phụ thuộc khác trong thuế TNCN không ảnh hưởng ngân sách, vì thuế thu nhập nước ta hiện nay chưa chiếm tỷ trọng lớn trong ngân sách. Khoản tiền giảm trừ gia cảnh bao gồm cả vợ (hoặc chồng) và các con cùng các người phụ thuộc khác trong thuế TNCN thêm vào hay bớt đi so với ngân sách có thể ví như thêm hay bớt một vài giọt nước trong chai nước đầy, nó không ảnh hưởng đến tổng thu ngân sách nhà nước.

- Sau cùng, giảm trừ gia cảnh bao gồm cả vợ (hoặc chồng) và các con cùng các người phụ thuộc khác không ảnh hưởng đến vấn đề kế hoạch hóa gia đình hay khuyến khích gia đình sinh nhiều con, vì chức giảm trừ gia cảnh chỉ hướng về gia đình hiện hữu mà thực hiện sự công bằng trong điều tiết.

Mặt khác, để thuế TNCN điều tiết sâu sát hơn, hợp lý và công bằng hơn, chúng tôi thiết nghĩ nên cho trừ đi “chi phí nghề nghiệp” trong tổng thu nhập chịu thuế. Bởi vì, chi phí nghề nghiệp là các khoản “đầu tư” về sách báo, học tập, nghiên cứu, trau dồi nghề nghiệp của người lao động hưởng thu nhập từ tiền lương, tiền công phải bỏ ra để theo kịp tiến độ khoa học-kỹ thuật.

Chế độ trừ chi phí nghề nghiệp (10% trên tổng thu nhập chịu thuế) và giảm trừ gia cảnh theo từng định suất gia đình rất đơn giản, dễ hiểu và thuận lợi khi hành thu. Chúng tôi nghĩ thêm

điều khoản giảm trừ gia cảnh bao gồm cả vợ (hoặc chồng) và các con cùng các người phụ thuộc khác; và trừ chi phí nghề nghiệp là điều cần thiết để thuế TNCN phát huy tác dụng điều tiết thu nhập chính xác hơn và thể hiện được tính công bằng thuế.

Một vài kiến nghị

1. Sửa lại khoản 6 Điều 3 DA Luật thuế TNCN như sau:

Người phụ thuộc: là người mà đối tượng nộp thuế có nghĩa vụ phải nuôi dưỡng, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

a. Phần giảm trừ đối với người vợ (hoặc chồng) với điều kiện không ly dị hoặc ly thân.

b. Phần giảm trừ cho những con đẻ chính thức, con ngoài giá thú hay con nuôi hợp pháp từ 18 trở xuống và những con bị tàn tật và không thể tự mưu sinh, không có khả năng lao động.

c. Ông bà, bố mẹ đẻ; ông bà bố mẹ vợ (hoặc chồng); bố mẹ nuôi cá nhân người nộp thuế trên 60 tuổi hoặc bị tàn tật và không có khả năng lao động không tự mưu sinh được.

2. Sửa đổi lại Điều 18 DA Luật thuế TNCN: Giảm trừ gia cảnh:

2.1 Giảm trừ gia cảnh là khoản tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú.

Giảm trừ gia cảnh gồm có:

a. Phần giảm trừ đối với cá nhân người nộp thuế là 5 triệu đồng/tháng (60 triệu đồng/năm).

b. Phần giảm trừ đối với vợ (hoặc chồng) với điều kiện không ly dị hoặc ly thân, mà người nộp thuế có trách nhiệm phải cấp dưỡng là 3 triệu đồng/tháng.

c. Phần giảm trừ cho mỗi con, cho mỗi ông bà, cha mẹ phải cấp dưỡng là 2 triệu đồng/tháng.

2.2 Những người sau đây được coi như do cá nhân người nộp thuế phải cấp dưỡng, khi các người cấp dưỡng, không chịu thuế riêng.

a. Những con đẻ chính thức, con ngoài giá thú, con nhận nhận hay con nuôi hợp pháp từ 18 tuổi trở xuống, và những con bị tàn tật và không thể tự mưu sinh, không có khả năng lao động.

b. Ông bà, bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi của cá nhân người nộp thuế và của người vợ (hoặc chồng) trên 60 tuổi hoặc bị tàn tật và không thể tự mưu sinh, không có khả năng lao động.

Trong trường hợp nhiều cá nhân là người nộp thuế cùng là con cháu một ông, bà, cha mẹ, chỉ một người nộp thuế được hưởng khoản giảm trừ gia cảnh về ông bà, cha mẹ.

3. Căn cứ vào giá cả thị trường, các khoản giảm trừ gia cảnh nêu trên được điều chỉnh bằng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nhưng thời gian giữa hai kỳ điều chỉnh không được dưới hai năm.

4. Ngoài ra cần phải bổ sung một số điều, khoản có liên quan đến gia cảnh như sau:

• Điều :

1. Trong một gia đình, người chủ gia đình phải chịu thuế trên tổng thu nhập chịu thuế của mình, của người vợ (hoặc chồng) và của các con còn phải cấp dưỡng.

2. Tình trạng gia đình của cá nhân người nộp thuế được chứng minh bằng giấy tờ hộ tịch.

Trong một gia đình, dù cả hai hoặc chỉ một trong hai vợ chồng có thực hiện thu nhập chịu thuế, khoản giảm trừ gia cảnh về phần hai vợ chồng vẫn được tính theo giá biểu ấn định tại Điều 18 (bổ sung, sửa đổi) như sau:

- Chủ hộ gia đình (là cá nhân người nộp thuế): 5 triệu đồng.

- Người vợ (hoặc chồng): 3 triệu đồng.

3. Người vợ (hoặc chồng) góa chỉ được giảm trừ gia cảnh về phần bản thân (cá nhân người nộp thuế), các con và ông, bà, cha, mẹ phải cấp dưỡng.

4. Bổ sung điều khoản về "chi phí nghề nghiệp"

• Điều :

Chi phí nghề nghiệp được trừ khi tính thu nhập chịu thuế:

Các chi phí nghề nghiệp của quân nhân, cảnh sát, cán bộ, công chức, viên chức hay dân cử, người lao động khu vực dân doanh và các cá nhân hưởng thu nhập có tính cách tiền lương, tiền công.

Các chi phí này được ấn định khoản 10% tổng số tiền lương, tiền công và mọi khoản phụ cấp của niên khóa chịu thuế. Chi phí nghề nghiệp theo căn bản thu nhập lương trọn năm.

+ Thu nhập lương dưới 60 triệu đồng được trừ 6 triệu đồng/năm.

+ Thu nhập lương từ 60 triệu đến 120 triệu đồng được trừ 10% thu nhập lương/năm.

+ Thu nhập trên 120 triệu đồng được trừ 12 triệu đồng/năm (tối đa).

5. Bổ sung khoản 1 Điều 19 DA Luật thuế TNCN: Thu nhập tính thuế.

Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 11, Điều 12 Luật này trừ đi các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật bắt buộc phải tham gia, khoản chi phí nghề nghiệp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú và khoản giảm trừ gia cảnh (bao gồm bản thân cá nhân người nộp thuế, vợ (hoặc chồng) và các con cùng các người phụ thuộc khác) quy định tại Điều 18 (sửa đổi) Luật này.

Tóm lại, qua nghiên cứu Dự thảo Luật thuế TNCN lần này, chúng tôi nhận thấy có nhiều bước tiến bộ và sự đồng tình của người lao động và các giới. Tuy nhiên, nếu được Nhà nước quan tâm đến giảm trừ gia cảnh (bao gồm cả vợ hay chồng, các con và người phụ thuộc) và cho trừ chi phí nghề nghiệp, chắc chắn Luật thuế TNCN sẽ tạo sự công bằng của sắc thuế này và càng được sự ủng hộ của nhân dân nhiều hơn nữa. Chắc chắn Luật thuế TNCN sẽ đi vào cuộc sống của người dân ■